

Name:



Grammar:

Date: ... / ... /20...

R&W:

Class: S4

Listening:

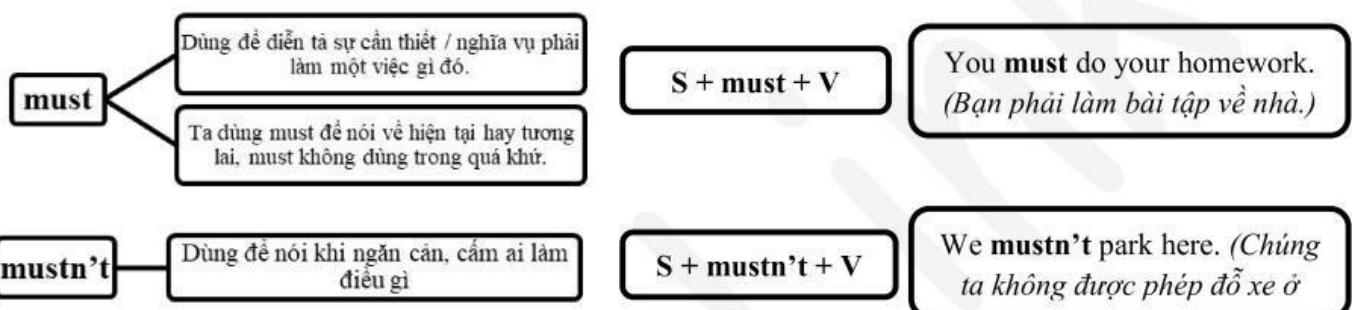
Tel: 034.200.9294

Mini Test:

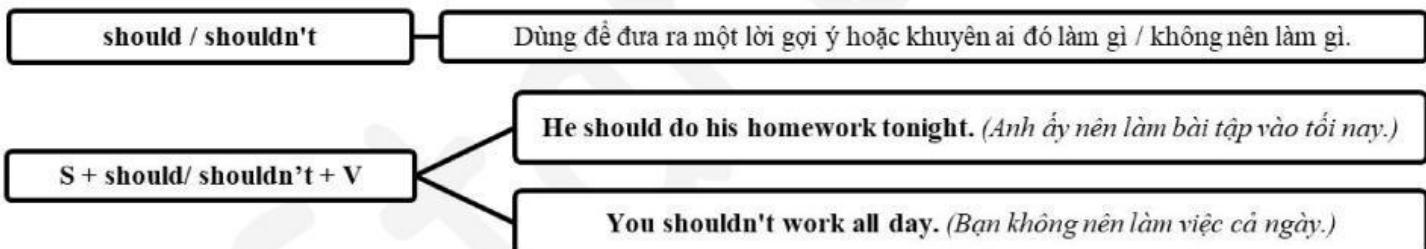
ENTERTAINMENT GRAMMAR & KET LISTENING

❖ **Lưu ý:** Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé

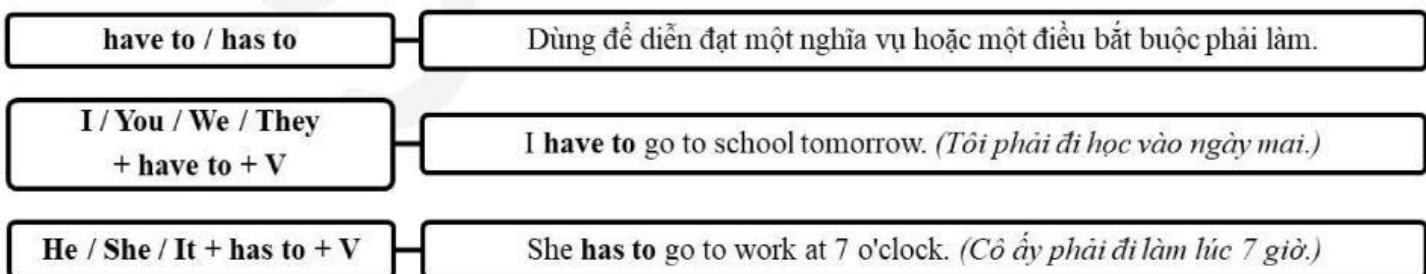
A. GRAMMAR



Lưu ý: *mustn't* = *must not*, *V*: động từ nguyên mẫu



Lưu ý: *shouldn't* = *should not*, *V*: động từ nguyên mẫu



B. VOCABULARY FROM CAMBRIDGE

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	return (v)	trả lại	3	tennis court (n)	sân quần vợt
2	... % off (adv)	giảm giá ... %	4	take part in (phr. v)	tham gia vào

Note: *n = noun: danh từ, v = verb: động từ, adj = adjective: tính từ, adv = adverb: trạng từ, phr. v = phrasal verb: cụm động từ. Con học thuộc nghĩa của từ và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.*

C. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer.

Exercise 2: Choose the correct answer.

0. Anna **have to** / **has to** go to Viet Nam tomorrow.

1. She **should** / **shouldn't** skip breakfast; it's important.

2. He **must** / **mustn't** forget to take your medicine.

3. Children **should** / **shouldn't** play video games all day.

4. We **have to** / **has to** turn off your phone during the test.

5. You **must** / **mustn't** smoke in this building.

Exercise 3: Fill in the blanks with verbs in the box.

eat stay up do exercise check wear touch

0. You shouldn't stay up too late; you have work tomorrow.

1. You shouldn't touch the bowl. It's very hot.
2. Students have to wear uniforms to school.
3. The doctor says I should eat more carrots.
4. I am a security guard (*bảo vệ*). I must check all the room at 7 o'clock.
5. She should wash her face every day.

*Lưu ý trước khi làm đề Cambridge:

1. Sau khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
2. Các con gạch chân các từ khóa chính trong bài đọc.

Questions 1-6

For each question, choose the correct answer.

1

EMAIL

From: Ewan

To: Andy

Andy, I need to borrow your laptop. Mine broke yesterday. Can I come and pick it up after dinner?

Write soon!

What does Ewan want Andy to do?

- A go and buy a laptop with him
- B bring him his laptop after dinner
- C lend him his laptop

4

Please
return each book
to the correct shelf

- A Put the books you use back on their shelves.
- B Check that the right books are on each shelf.
- C You mustn't take any books from the shelf.

5



- A The table may be clean before you eat.
- B You must clean the table at the end of your meal.
- C You should leave the table before you clean it.

6

Hi Annie, can you ring the sports centre to book the tennis court for our match? I'll bring the money when we meet there tomorrow.

- A You'll get a discount if you buy 30 tickets.
- B You will enjoy the park more if you are in a group.
- C The ticket is more expensive if you are alone.

3

2

SCHOOL CANTEEN

MAKE SURE YOUR TABLE
IS CLEAN BEFORE
YOU LEAVE

Press any key to start the game

- A Terry wants Annie to
- B pay for the tennis court.
- C give him some money.
- C make a phone call.

Con nghe bài theo link: <https://youtu.be/n49pSVKog28?feature=shared&t=302>
(từ phút 5:04 – 8:32)

For each question, write the correct answer in the gap. Write **one word** or **a number** or **a date** or **a time**.

You will hear a teacher telling her students about a week at the Arts Centre they take part in.

THE ARTS CENTRE

Centre open: *July to September*
One week starting on: (6) _____ July
Afternoon activities: (7) _____, photography
Students age: (8) 11-_____
Weekend activities: (9) trips and _____
Cost: (10) £ _____



Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để Starlink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

